

**CT CP ĐT TM BEE HOME
LONG AN**
Số: 80/QĐ-BEE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá bán chung cư Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh

Dự án: Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BEE HOME LONG AN

Căn cứ:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 (sửa đổi, bổ sung bởi các Luật có liên quan);
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (sửa đổi, bổ sung bởi các Luật có liên quan);
- Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;
- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- Nghị định số 92/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn Nghị quyết số 201/2025/QH15;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 4447/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Long An về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.
- Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 25/06/2025 của UBND tỉnh Long An về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 310080, số vào sổ GCN: VP 08201 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 02/06/2023 (VPĐK Đất đai tỉnh cập nhật biến động ngày 25/1/2024) cho Công ty CP ĐT TM Bee Home Long An.
- Giấy phép xây dựng số 665/GPXD ngày 27/06/2025 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty CP ĐT TM Bee Home Long An xây dựng chung cư Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh (Nhà ở xã hội).
- Hồ sơ xây dựng phương án giá do phòng Kinh doanh trình và Báo cáo thẩm tra số TT0126/BCTT-EHOME ngày 23/01/2026 của Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng EHOME.
- Các hồ sơ, căn cứ pháp lý khác có liên quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giá bán căn hộ chung cư Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh với các



thông tin như sau:

1. Tên công trình: Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh
2. Tên dự án: Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh
3. Địa điểm xây dựng: xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh
4. Thông tin sản phẩm kinh doanh:
 - Loại hình: căn hộ chung cư
 - Số lượng: 166 căn hộ, gồm:
 - + Loại 1PN (diện tích sàn sử dụng khoảng 31,0 m² - 34,0 m²).
5. Thời điểm duyệt giá bán: tháng 01/2026
6. Giá bán các căn hộ chung cư tạm tính: **khoảng 28.500.000 đồng/m² (chưa gồm VAT, chưa gồm phí bảo trì)**; giá bán cụ thể của từng căn hộ theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này là cơ sở, căn cứ để triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định của Luật Nhà ở và các pháp luật liên quan đến quản lý, phát triển dự án nhà ở xã hội theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phòng, Ban, Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



NGÔ HOÀNG SƠN

**PHỤ LỤC 01: Giá bán căn hộ tạm tính của chung cư Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh
tại dự án Nhà ở xã hội – Mỹ Hạnh tại xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh.**

(Đính kèm Văn bản số 81/CV-BEE ngày 29/01/2026 của Công ty CP ĐT TM Bee Home Long An)

STT	Block	Mã Căn	Diện tích sàn sử dụng (thông thủy) m ²	Tầng	Hướng căn hộ	Đơn giá bán căn hộ (chưa VAT và chưa PBT) - (đồng/m ²)	Tổng giá bán căn hộ (chưa VAT và chưa PBT) - đồng
KHỐI A							
1	A1	A3-01	31.72	3	TN	28.500.000	904.020.000
2		A3-02	31.72	3	ĐB	28.500.000	904.020.000
3		A3-03	31.72	3	TN	28.500.000	904.020.000
4		A3-04	31.72	3	ĐB	28.500.000	904.020.000
5		A3-05	31.72	3	TN	28.500.000	904.020.000
6		A3-06	31.72	3	ĐB	28.500.000	904.020.000
7		A3-07	31.72	3	TN	28.500.000	904.020.000
8		A3-08	31.72	3	ĐB	28.500.000	904.020.000
9		A3-09	31.72	3	TN	28.500.000	904.020.000
10		A3-10	31.72	3	ĐB	28.500.000	904.020.000
11		A3-11	31.72	3	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
12	B1	B3-01	34.12	3	TN	28.500.000	972.420.000
13		B3-02	34.12	3	TN	28.500.000	972.420.000
14		B3-03	34.12	3	TN	28.500.000	972.420.000
15		B3-04	34.12	3	TN	28.500.000	972.420.000
16		B3-05	34.12	3	TN	28.500.000	972.420.000
17		B3-06	34.12	3	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
18	A2	A4-01	31.72	4	TN	28.500.000	904.020.000
19		A4-02	31.72	4	ĐB	28.500.000	904.020.000
20		A4-03	31.72	4	TN	28.500.000	904.020.000
21		A4-04	31.72	4	ĐB	28.500.000	904.020.000
22		A4-05	31.72	4	TN	28.500.000	904.020.000
23		A4-06	31.72	4	ĐB	28.500.000	904.020.000
24		A4-07	31.72	4	TN	28.500.000	904.020.000
25		A4-08	31.72	4	ĐB	28.500.000	904.020.000
26		A4-09	31.72	4	TN	28.500.000	904.020.000
27		A4-10	31.72	4	ĐB	28.500.000	904.020.000
28		A4-11	31.72	4	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
29	B2	B4-01	34.12	4	TN	28.500.000	972.420.000
30		B4-02	34.12	4	TN	28.500.000	972.420.000
31		B4-03	34.12	4	TN	28.500.000	972.420.000
32		B4-04	34.12	4	TN	28.500.000	972.420.000
33		B4-05	34.12	4	TN	28.500.000	972.420.000

34		B4-06	34.12	4	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
35	A3	A5-01	31.72	5	TN	28.500.000	904.020.000
36		A5-02	31.72	5	ĐB	28.500.000	904.020.000
37		A5-03	31.72	5	TN	28.500.000	904.020.000
38		A5-04	31.72	5	ĐB	28.500.000	904.020.000
39		A5-05	31.72	5	TN	28.500.000	904.020.000
40		A5-06	31.72	5	ĐB	28.500.000	904.020.000
41		A5-07	31.72	5	TN	28.500.000	904.020.000
42		A5-08	31.72	5	ĐB	28.500.000	904.020.000
43		A5-09	31.72	5	TN	28.500.000	904.020.000
44		A5-10	31.72	5	ĐB	28.500.000	904.020.000
45		A5-11	31.72	5	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
46	B3	B5-01	34.12	5	TN	28.500.000	972.420.000
47		B5-02	34.12	5	TN	28.500.000	972.420.000
48		B5-03	34.12	5	TN	28.500.000	972.420.000
49		B5-04	34.12	5	TN	28.500.000	972.420.000
50		B5-05	34.12	5	TN	28.500.000	972.420.000
51		B5-06	34.12	5	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
52	A4	A6-01	31.72	6	TN	28.500.000	904.020.000
53		A6-02	31.72	6	ĐB	28.500.000	904.020.000
54		A6-03	31.72	6	TN	28.500.000	904.020.000
55		A6-04	31.72	6	ĐB	28.500.000	904.020.000
56		A6-05	31.72	6	TN	28.500.000	904.020.000
57		A6-06	31.72	6	ĐB	28.500.000	904.020.000
58		A6-07	31.72	6	TN	28.500.000	904.020.000
59		A6-08	31.72	6	ĐB	28.500.000	904.020.000
60		A6-09	31.72	6	TN	28.500.000	904.020.000
61		A6-10	31.72	6	ĐB	28.500.000	904.020.000
62		A6-11	31.72	6	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
63	B4	B6-01	34.12	6	TN	28.500.000	972.420.000
64		B6-02	34.12	6	TN	28.500.000	972.420.000
65		B6-03	34.12	6	TN	28.500.000	972.420.000
66		B6-04	34.12	6	TN	28.500.000	972.420.000
67		B6-05	34.12	6	TN	28.500.000	972.420.000
68		B6-06	34.12	6	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
69	A5	A7-01	31.72	7	TN	28.500.000	904.020.000
70		A7-02	31.72	7	ĐB	28.500.000	904.020.000
71		A7-03	31.72	7	TN	28.500.000	904.020.000
72		A7-04	31.72	7	ĐB	28.500.000	904.020.000
73		A7-05	31.72	7	TN	28.500.000	904.020.000
74		A7-06	31.72	7	ĐB	28.500.000	904.020.000
75		A7-07	31.72	7	TN	28.500.000	904.020.000

76		A7-08	31.72	7	ĐB	28.500.000	904.020.000
77		A7-09	31.72	7	TN	28.500.000	904.020.000
78		A7-10	31.72	7	ĐB	28.500.000	904.020.000
79		A7-11	31.72	7	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
80	B5	B7-01	34.12	7	TN	28.500.000	972.420.000
81		B7-02	34.12	7	TN	28.500.000	972.420.000
82		B7-03	34.12	7	TN	28.500.000	972.420.000
83		B7-04	34.12	7	TN	28.500.000	972.420.000
84		B7-05	34.12	7	TN	28.500.000	972.420.000
85		B7-06	34.12	7	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
86	A6	A8-01	31.72	8	TN	28.500.000	904.020.000
87		A8-02	31.72	8	ĐB	28.500.000	904.020.000
88		A8-03	31.72	8	TN	28.500.000	904.020.000
89		A8-04	31.72	8	ĐB	28.500.000	904.020.000
90		A8-05	31.72	8	TN	28.500.000	904.020.000
91		A8-06	31.72	8	ĐB	28.500.000	904.020.000
92		A8-07	31.72	8	TN	28.500.000	904.020.000
93		A8-08	31.72	8	ĐB	28.500.000	904.020.000
94		A8-09	31.72	8	TN	28.500.000	904.020.000
95		A8-10	31.72	8	ĐB	28.500.000	904.020.000
96		A8-11	31.72	8	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
97	B6	B8-01	34.12	8	TN	28.500.000	972.420.000
98		B8-02	34.12	8	TN	28.500.000	972.420.000
99		B8-03	34.12	8	TN	28.500.000	972.420.000
100		B8-04	34.12	8	TN	28.500.000	972.420.000
101		B8-05	34.12	8	TN	28.500.000	972.420.000
102		B8-06	34.12	8	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
103	A7	A9-01	31.72	9	TN	28.500.000	904.020.000
104		A9-02	31.72	9	ĐB	28.500.000	904.020.000
105		A9-03	31.72	9	TN	28.500.000	904.020.000
106		A9-04	31.72	9	ĐB	28.500.000	904.020.000
107		A9-05	31.72	9	TN	28.500.000	904.020.000
108		A9-06	31.72	9	ĐB	28.500.000	904.020.000
109		A9-07	31.72	9	TN	28.500.000	904.020.000
110		A9-08	31.72	9	ĐB	28.500.000	904.020.000
111		A9-09	31.72	9	TN	28.500.000	904.020.000
112		A9-10	31.72	9	ĐB	28.500.000	904.020.000
113		A9-11	31.72	9	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
114	B7	B9-01	34.12	9	TN	28.500.000	972.420.000
115		B9-02	34.12	9	TN	28.500.000	972.420.000
116		B9-03	34.12	9	TN	28.500.000	972.420.000
117		B9-04	34.12	9	TN	28.500.000	972.420.000

118		B9-05	34.12	9	TN	28.500.000	972.420.000
119		B9-06	34.12	9	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
120	A8	A10-01	31.72	10	TN	28.500.000	904.020.000
121		A10-02	31.72	10	ĐB	28.500.000	904.020.000
122		A10-03	31.72	10	TN	28.500.000	904.020.000
123		A10-04	31.72	10	ĐB	28.500.000	904.020.000
124		A10-05	31.72	10	TN	28.500.000	904.020.000
125		A10-06	31.72	10	ĐB	28.500.000	904.020.000
126		A10-07	31.72	10	TN	28.500.000	904.020.000
127		A10-08	31.72	10	ĐB	28.500.000	904.020.000
128		A10-09	31.72	10	TN	28.500.000	904.020.000
129		A10-10	31.72	10	ĐB	28.500.000	904.020.000
130		A10-11	31.72	10	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
131	B8	B10-01	34.12	10	TN	28.500.000	972.420.000
132		B10-02	34.12	10	TN	28.500.000	972.420.000
133		B10-03	34.12	10	TN	28.500.000	972.420.000
134		B10-04	34.12	10	TN	28.500.000	972.420.000
135		B10-05	34.12	10	TN	28.500.000	972.420.000
136		B10-06	34.12	10	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
137	A9	A11-01	31.72	11	TN	28.500.000	904.020.000
138		A11-02	31.72	11	ĐB	28.500.000	904.020.000
139		A11-03	31.72	11	TN	28.500.000	904.020.000
140		A11-04	31.72	11	ĐB	28.500.000	904.020.000
141		A11-05	31.72	11	TN	28.500.000	904.020.000
142		A11-06	31.72	11	ĐB	28.500.000	904.020.000
143		A11-07	31.72	11	TN	28.500.000	904.020.000
144		A11-08	31.72	11	ĐB	28.500.000	904.020.000
145		A11-09	31.72	11	TN	28.500.000	904.020.000
146		A11-10	31.72	11	ĐB	28.500.000	904.020.000
147		A11-11	31.72	11	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
148	B9	B11-01	34.12	11	TN	28.500.000	972.420.000
149		B11-02	34.12	11	TN	28.500.000	972.420.000
150		B11-03	34.12	11	TN	28.500.000	972.420.000
151		B11-04	34.12	11	TN	28.500.000	972.420.000
152		B11-05	34.12	11	TN	28.500.000	972.420.000
153		B11-06	34.12	11	TN	28.500.000	972.420.000
KHỐI A							
154	A10	A12-01	31.72	12	TN	28.500.000	904.020.000
155		A12-02	31.72	12	ĐB	28.500.000	904.020.000
156		A12-03	31.72	12	TN	28.500.000	904.020.000
157		A12-04	31.72	12	ĐB	28.500.000	904.020.000
158		A12-05	31.72	12	TN	28.500.000	904.020.000
159		A12-06	31.72	12	ĐB	28.500.000	904.020.000

160		A12-07	31.72	12	TN	28.500.000	904.020.000
KHỐI B							
161	B10	B12-01	34.12	12	TN	28.500.000	972.420.000
162		B12-02	34.12	12	TN	28.500.000	972.420.000
163		B12-03	34.12	12	TN	28.500.000	972.420.000
164		B12-04	34.12	12	TN	28.500.000	972.420.000
165		B12-05	34.12	12	TN	28.500.000	972.420.000
166		B12-06	34.12	12	TN	28.500.000	972.420.000
Tổng cộng			5409,52				154.171.320.000

